MẠNG LƯỚI XÃ HỘI TRONG SINH KẾ MỚI CỦA NGƯỜI LÔ LÔ VÀ NGƯỜI NÙNG Ở VÙNG BIÊN GIỚI TỈNH CAO BẰNG[1]

TS. Lý Hành Sơn
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: *Người Lô Lô (huyện Bảo Lạc) và người Nùng (huyện Trùng Khánh) ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng hiện tại đều thiếu đất sản xuất nông, lâm nghiệp. Vì vậy, hai tộc người này đang tận dụng mạng lưới xã hội trong các hoạt động sinh kế mới, bao gồm phát triển dịch vụ mua bán, làm thuê... để tạo thêm nguồn thu nhập cho gia đình. Bài viết này trình bày về vai trò của mạng lưới xã hội đối với hoạt động sinh kế mới của các tộc người Lô Lô và Nùng trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng.*

Từ khóa: *Mạng lưới xã hội, sinh kế mới, người Lô Lô, người Nùng, vùng biên giới.*

Abstract: *The Lo Lo people (in Bao Lac district) and the Nung people (in Trung Khanh district, living in the frontier areas of Cao Bang province, are lack land for agricultural farming and forestry. Therefore, these two ethnic groups are utilizing their social networks to develop new livelihood activities, including commercial trade, seasonal labor, etc... to improve their family income. This article examines the role of the social networks in the livelihood activities of the Nung and Lo Lo people in the market economy and integration context in the frontier areas of Cao Bang province.*

Keywords: *Social network, new livelihoods, Lo Lo people, Nung people, frontier areas.*

Ngày nhận bài: 15/12/2020; ngày gửi phản biện: 30/12/2020; ngày duyệt đăng: 29/1/2021

Mở đầu

Ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng, các tộc người Hmông, Dao... và hai tộc người Lô Lô, Nùng hiện nay vẫn chủ yếu sống bằng trồng trọt kết hợp với chăn nuôi. Đối với người Lô Lô, dân số chỉ có 674 hộ và 3.472 người, phân bố ở hai huyện Bảo Lạc và Bảo Lâm, song lại thuộc diện có diện tích đất nông nghiệp rất ít, khoảng 246,5ha, bình quân 750m^2/người. Do tụ cư lâu đời ở khu vực đồi núi cao, hiếm đất canh tác, nhất là thiếu nước để mở rộng diện tích ruộng bậc thang, nên hiện nay các hộ gia đình Lô Lô vẫn chỉ làm nương là chính. Đất canh tác

[1] Bài viết là kết quả của đề tài cấp Bộ: "*Mạng lưới xã hội của tộc người Lô Lô và Nùng ở tỉnh Cao Bằng trong phát triển kinh tế, đảm bảo trật tự xã hội vùng biên giới* " do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Lê Minh Anh và TS. Lê Thị Mùi là đồng chủ nhiệm.

của họ thường có độ dốc cao từ 18^0 trở lên, nên thường xuyên bị xói mòn hàng năm, nhanh bị bạc màu (Ban Dân tộc tỉnh Cao Bằng, 2019). Trong khi, người Nùng ở các xóm đã được khảo sát tại hai xã Đàm Thủy và Khâm Thành thuộc huyện Trùng Khánh lại chủ yếu làm ruộng nước. Do sống khá mật tập với dân số đông, nhưng diện tích nương rẫy không nhiều nên đất đai của các cộng đồng Nùng nơi đây không được rộng rãi như xóm làng người Lô Lô. Chẳng hạn, theo trưởng xóm Lũng Phiắc xã Đàm Thủy, đến tháng 7/2020, cả xóm có 261 hộ với 1.050 nhân khẩu đều là người Nùng nhưng chỉ có 50ha ruộng và 60ha đất nương, trung bình mỗi hộ có khoảng 1.000 - 1.500m^2 đất nông nghiệp. Do vậy, người dân Lô Lô và Nùng gần đây đều tìm kiếm những cách sinh kế mới để có thêm thu nhập.

Kết quả điền dã vào tháng 10/2019 và tháng 7/2020 cho thấy, mạng lưới xã hội trong hoạt động sinh kế của người Lô Lô và Nùng ở các huyện Bảo Lạc và Trùng Khánh thuộc tỉnh Cao Bằng diễn ra khá đa dạng. Đặc biệt, gần đây đã có sự kết hợp giữa các mạng lưới truyền thống và hiện đại tùy theo điều kiện từng địa phương mà mỗi cá nhân hay đại diện hộ gia đình lựa chọn để cho phù hợp với những mối quan hệ, hoàn cảnh công việc cụ thể của mình. Tuy với mức độ khác nhau, song hệ thống mạng lưới xã hội này luôn thể hiện rõ nét ở hầu hết các hoạt động của đồng bào như sản xuất kinh tế, tổ chức xã hội, sinh hoạt văn hóa, ứng xử với môi trường tự nhiên,...

Dựa vào tư liệu điền dã năm 2019 - 2020, bài viết này đề cập đến mạng lưới xã hội trong hoạt động sinh kế mới, chủ yếu là thương mại và tìm kiếm việc làm mới của hai tộc người Lô Lô và Nùng ở phạm vi cá nhân và hộ gia đình. Về khái niệm, theo một số nghiên cứu, mạng lưới xã hội bao gồm tập hợp các đối tượng và sự miêu tả của mối quan hệ giữa các đối tượng đó, vì vậy hiểu biết về quan hệ giữa một cá nhân đối với người khác thì có thể đánh giá được vốn xã hội của cá nhân ấy (Hoàng Bá Thịnh, 2008, tr. 49).

1. Mạng lưới xã hội trong hoạt động thương mại

1.1. Mạng lưới xã hội trong xây dựng và mở rộng thị trường

Thị trường là cơ chế để thương mại hoạt động, bao gồm: thị trường hàng hóa - dịch vụ tức thị trường sản lượng, thị trường lao động, thị trường tiền tệ,... Về truyền thống, theo lời kể của một số cụ già người Lô Lô và Nùng, trước kia kinh tế hàng hóa chưa phát triển, nên chủ yếu lấy hàng đổi hàng, mà nay vẫn tồn tại dưới hình thức trợ giúp nhau. Chẳng hạn: việc vay tạm thóc giống đến khi thu hoạch thì đem trả; vay tạm lợn, gạo khi nhà có đám, sau đó đem trả nếu gia đình cho vay có công việc tương tự; người nhà mang lợn cái đi phối giống cần mang theo một vài ống ngô hạt hoặc gạo cho gia đình có lợn đực để cảm ơn; những người được mời đến giúp sức lao động cho một gia đình đang có việc, rồi được gia chủ thết đãi một bữa ăn,... Đây là những hình thức trao đổi mang tính mua bán nhưng không sử dụng đồng tiền. Mạng lưới xã hội cho các hình thức trao đổi này là mối quan hệ cá nhân mang tính họ hàng, xóm giềng,...

Với sự phát triển kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay, việc mua bán hàng hóa và chi trả cho việc cung cấp dịch vụ tại các địa phương đều chuyển sang giao dịch bằng tiền Việt Nam đồng. Tại vùng biên giới tỉnh Cao Bằng, một số nơi còn sử dụng tiền của Trung Quốc. Kết quả khảo sát vào năm 2019 và năm 2020 tại một số xóm người Lô Lô ở các xã Hồng Trị, Cô Ba, Kim Cúc (huyện Bảo Lạc) và vài xóm người Nùng ở hai xã Đàm Thủy, Khâm Thành (huyện Trùng Khánh) đã khẳng định việc này. Những hộ gia đình của hai tộc người Lô Lô và Nùng có điều kiện mở dịch vụ bán hàng tại nhà đều giao dịch và thanh toán bằng tiền Việt Nam đồng; khách mua hàng ở trong hay ngoài xóm cũng sử dụng tiền Việt Nam đồng.

Về xây dựng thị trường, hiện nay mới có vài hộ gia đình mở quán tại nhà để bán các mặt hàng tiêu dùng, chưa có trường hợp mua bán buôn mặc dù người Lô Lô và Nùng đều có điều kiện buôn bán qua biên giới Việt - Trung, do họ sống giáp đường biên. Một vài hộ đã bán hàng hơn 10 năm, thậm chí 20 năm hoặc cũng có hộ mới mở quán được 1 năm, nhưng đều chưa phát triển thành dịch vụ thương mại lớn. Về số lượng, ở xóm Cốc Sả Dưới, xã Hồng Trị, năm 2019 có 4 hộ người Lô Lô mở quán bán hàng tạp hóa tại nhà. Riêng xóm Khuổi Khon, xã Kim Cúc, do phát triển du lịch nên nhiều gia đình Lô Lô tham gia dệt thổ cẩm bán cho du khách. Trong khi xóm Ngàm Lồm, xã Cô Ba có 18 hộ người Lô Lô thì chưa có gia đình nào mở quán bán hàng tại nhà. Có thể là do xóm này chỉ cách trung tâm xã khoảng 3km - nơi có vài quán của người Kinh và người Tày, nên các gia đình Lô Lô thường ra xã để mua những mặt hàng cần thiết. Đối với tộc người Nùng ở huyện Trùng Khánh, đến tháng 7/2020, xóm Lũng Phiắc, xã Đàm Thủy với 261 hộ người Nùng, chỉ có 4 hộ mở quán bán tạp hóa tại nhà, trong đó có 1 hộ đã bán được 20 năm; xóm Háng Khoang xã Đàm Thủy có 1 hộ người Nùng mở quán bán hàng do ở gần một gia đình Nùng khác cho người Kinh thuê nhà làm dịch vụ homestay và thỉnh thoảng có khách đến trọ cần mua hàng; xóm Dộc Vung xã Khâm Thành có 2 hộ người Nùng mở quán bán hàng. Như vậy, trong các xóm của hai tộc người Lô Lô và Nùng ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng - những cộng đồng được khảo sát vào tháng 10/2019 và tháng 7/2020, vẫn chưa có nhiều gia đình mở quán bán tạp hóa tại nhà, ở đầu xóm hoặc các lối rẽ có nhiều người qua lại. Việc mở quán bán các hàng tạp hóa chỉ để có thêm thu nhập, bởi vì trồng trọt và chăn nuôi vẫn giữ vai trò chủ đạo. Các xóm này đều ở xa chợ xã và chợ thị trấn, nên chưa có gia đình Lô Lô hay Nùng có cơ hội thuê mặt bằng bán hàng trong chợ.

Phỏng vấn đại diện những hộ gia đình Lô Lô và Nùng có điều kiện mở dịch vụ bán hàng trong xóm cho thấy, ban đầu các hộ này đều dựa vào mạng lưới xã hội liên quan đến mối quan hệ họ hàng, thông gia... đã có vốn, kinh nghiệm buôn bán ở thành phố Cao Bằng hay thị trấn huyện. Những nhà buôn bán chuyên nghiệp này luôn có nguồn hàng dồi dào và muốn mở thêm chi nhánh hoặc đại lý ở nơi khác. Do đó, họ đã gợi ý, tư vấn kinh nghiệm và tìm đại lý cung cấp hàng hóa cho gia đình Lô Lô hay Nùng có quan hệ thân thuộc trong thời gian đầu mở quán bán hàng tại xóm. Riêng một số hộ Lô Lô hay Nùng mới mở dịch vụ gần

đây thì học kinh nghiệm của những gia đình đã có thời gian bán hàng nhiều năm trong xóm. Hơn nữa, những hộ mới mở cửa hàng thường là người cùng dòng họ hoặc anh chị em ruột của gia đình đã nhiều năm bán hàng tạp hóa. Chẳng hạn, theo trưởng xóm Lũng Phiắc, xã Đàm Thủy, 4 hộ người Nùng đang bán hàng trong xóm đều có quan hệ họ hàng; ở xóm Dộc Vung, xã Khâm Thành cũng vậy, hai hộ mở quán bán hàng khô có quan hệ bác và cháu - gia đình bác đã mở quán được 10 năm, trong khi vợ chồng thế hệ cháu mới mở quán khoảng 2 năm. Do đó, có một thỏa thuận giữa các hộ này là: nếu những mặt hàng cùng loại như mì tôm, sữa nước đóng bịch... thì bán cùng một giá, tức không có hàng quán bán với giá thấp hơn để cạnh tranh khách hàng mà tùy theo sự lựa chọn của khách hàng.

Ngoài việc mở quán bán hàng tạp hóa, rượu, thuốc lá... tại xóm, gần đây còn xuất hiện trường hợp mua con la non từ Trung Quốc về bán cho người dân trong xóm Lũng Phiắc và các xóm liền kề thuộc xã Đàm Thủy như Sục Mạ, Háng Khoang..., và một số xã khác. Khi mở cửa biên giới Việt - Trung, ban đầu người dân nơi đây dùng la thồ quặng sang Trung Quốc bán, nên họ thích nuôi la để thồ thóc, ngô lai, đậu tương... đi bán. Song, số người buôn bán con la không nhiều do phải có vốn và có mạng lưới quen biết với những người làm dịch vụ ở Trung Quốc. Tại xóm Lũng Phiắc, xã Đàm Thủy, vào tháng 7/2020 có 3 người Nùng buôn bán con la, chỉ khi có người đặt mua thì họ mới sang Trung Quốc lấy về. Mỗi chuyến có thể mang về khoảng 1 - 3 con la. Các gia đình nuôi con la nếu muốn bán những con la già thì bán cho 3 người trên để họ đem sang Trung Quốc bán, vì bán ở Việt Nam rất rẻ. Tuy nhiên, năm 2020 do dịch Covid-19 nên người buôn con la không thể hoạt động, họ chỉ giúp gia đình sản xuất nông nghiệp. Như vậy, họ buôn bán con la thông qua mạng lưới quan hệ với những người cũng làm dịch vụ này ở bên Trung Quốc. Do đây là hoạt động mua buôn bán lẻ để kiếm lãi, nên khác biệt so với những cá nhân mang sản phẩm nông nghiệp của gia đình mình đi bán lấy tiền để trang trải các chi tiêu cho sinh hoạt hàng ngày hoặc đầu tư mở rộng sản xuất.

Qua tư liệu trên có thể thấy, việc thiết lập, mở rộng thị trường thương mại ở vùng người Lô Lô và Nùng được chính đồng bào trực tiếp thực hiện, song vẫn chủ yếu dựa vào mạng lưới xã hội cá nhân hay hộ gia đình tại thành phố và thị trấn huyện. Các mối quan hệ thân thuộc, họ hàng, thông gia... trong tư vấn kinh nghiệm luôn giữ vai trò đặc biệt. Bên cạnh đó, còn có sự góp sức của các phương tiện công nghệ mới như điện thoại, internet..., với sự kích thích đáng kể của các tư thương người Kinh, người Tày... do thường xuyên chở hàng đến bán lưu động tại các xóm của hai tộc người Lô Lô và Nùng. Song, cũng vì vậy mà dẫn đến sự cạnh tranh về thị trường tiêu thụ, đặc biệt là khách hàng, làm cho việc tiếp tục mở rộng thị trường hay tăng thêm nhiều dịch vụ thương mại của các hộ gia đình Lô Lô hay Nùng trong xóm có xu hướng gặp khó khăn.

1.2. Mạng lưới xã hội trong phương thức hoạt động thương mại

Tư liệu điền dã năm 2019 và 2020 cho thấy, do số lượng dịch vụ bán hàng tạp hóa vừa

ít ỏi vừa phân bố nhỏ lẻ tại các xóm của hai tộc người Lô Lô và Nùng, mạng lưới xã hội hoạt động thương mại chủ yếu dựa vào quan hệ quen biết để có được sự đa dạng nguồn hàng, đặc biệt là nhu cầu tiêu dùng của khách hàng. Trong khi, các gia đình trong xóm vẫn chưa thoát khỏi sản xuất tự cấp, nên họ chỉ mua những thứ thiết yếu như mì tôm, xà phòng, mắm, muối, bật lửa, thuốc lá,... Hơn nữa, hàng ngày vẫn có tư thương người Kinh, người Tày... từ nơi khác mang hàng đến bán rong tại xóm. Những nơi có đường ô tô, các tư thương còn dùng xe tải chở các loại hàng hóa đến xóm để bày bán. Chưa kể đến những tư thương dùng xe máy luồn lách tới các nhà để rao bán thịt, cá, rau củ, bánh trái, hoa quả, đồ dùng cá nhân,... Đây là một dạng cạnh tranh đang diễn ra giữa những hộ gia đình là người Lô Lô hay Nùng mở quán bán tạp hóa, bánh trái, rượu bia... ở trong xóm của mình. Vì thế, kết quả thảo luận nhóm tại một số xóm thuộc các xã Hồng Trị, Cô Ba (huyện Bảo Lạc), Khâm Thành, Đàm Thủy (huyện Trùng Khánh) cho thấy, trong mỗi xóm bất kể tộc người Lô Lô hay Nùng, những gia đình có nhân lực và vốn đều muốn mở quán bán hàng tại nhà, song luôn gặp khó khăn do người mua không nhiều. Khảo sát tại xóm Lũng Phiắc hay Háng Khoang thuộc xã Đàm Thủy cho thấy, đến nay đã có khá nhiều hộ người Nùng mở quán bán hàng khô nhưng bày hàng mãi cũng hết hạn sử dụng mà người mua thì ít nên đành phải dọn dẹp quán, không tiếp tục bán hàng nữa.

Riêng vài quán hiện nay vẫn tồn tại là do gia đình có mạng lưới xã hội đảm bảo về nguồn hàng và được tư vấn về kinh nghiệm, cách thức hoạt động thương mại. Theo ông B., là người Nùng ở xóm Lũng Phiắc, xã Đàm Thủy, đã có kinh nghiệm hơn 20 năm bán hàng tạp hóa tại nhà, khi mới mở quán thì phải chấp nhận lỗ, đặc biệt là cần quan tâm lấy những mặt hàng đảm bảo chất lượng và lâu hết hạn sử dụng, chỉ khi có khá nhiều khách mua thì mới bày bán những mặt hàng khác, đồng thời có sổ ghi chép hàng ngày để biết được hàng nào bán được nhiều, hàng nào bán được ít hoặc không bán được để điều chỉnh cho thích hợp. Ông B. còn cho biết, đại lý cung cấp hàng cũng phải hỗ trợ, vì gia đình mở quán bán hàng trong xóm là nơi tiêu thụ hàng của đại lý. Do đó, hai bên có trách nhiệm cùng tháo gỡ khó khăn khi một mặt hàng nào đó đã nhận về nhà để bán nhưng sắp hết hạn sử dụng mà vẫn tồn đọng chưa bán được. Những mặt hàng nhận về bày bán mà ít người mua hoặc thời hạn sử dụng không còn lâu thì khi mang hàng khác đến, người của đại lý sẽ mang số hàng tồn đọng này về giao cho dịch vụ bán lẻ khác có điều kiện tiêu thụ nhanh,... Đây là một trong những bí quyết để duy trì hoạt động dịch vụ bán hàng tạp hóa tại nhà trong thời gian đầu mới mở quán. Nhờ mạng lưới quan hệ đó, hàng quán tạp hóa của ông B. hiện nay luôn đông khách.

Về phương thức hoạt động, tùy điều kiện giao thông, khâu vận chuyển hàng từ đại lý đến gia đình mở quán cũng khá linh hoạt. Qua kết quả phỏng vấn, số hộ người Nùng bán hàng tại xóm Lũng Phiắc, xã Đàm Thủy thường thuê chủ đại lý cho nhân viên mang hàng từ thành phố Cao Bằng đến xóm bằng ô tô và trả tiền qua người đưa hàng, vì xóm này cách thành phố Cao Bằng khoảng 80km và 2/4 gia đình ở đây đã bán hàng từ khi ở thị trấn Trùng Khánh chưa nhiều đại lý bán buôn. Do có quan hệ làm ăn lâu năm, họ thường trao đổi trước

qua điện thoại, rồi chủ đại lý sai nhân viên lấy xe tải chở hàng đến giao cho gia chủ bán lẻ, nếu ít hàng thì chở bằng xe máy. Riêng hai gia đình đang bán hàng ở xóm Dộc Vung xã Khâm Thành thì lấy hàng tại đại lý bán buôn ở thị trấn Trùng Khánh, vì thị trấn cách xóm 7km, hơn nữa chỗ đại lý lại là người họ hàng của gia đình. Song, do khách mua hàng chưa nhiều nên mỗi khi gần hết mặt hàng nào đó, gia chủ hoặc người nhà bán hàng tự ra đại lý vận chuyển hàng về bằng xe máy. Còn số gia đình Lô Lô ở xóm Cốc Sả dưới, xã Hồng Trị (huyện Bảo Lạc), gia chủ hoặc người nhà thường đi xe máy ra thị trấn Bảo Lạc lấy hàng ở đại lý người Tày quen biết, họ không thể đến được thành phố Cao Bằng do đường sá xa khoảng 150km. Theo ông H., việc bán được hàng tại nhà vẫn rất chậm tuy đã có khách du lịch đến đây tham quan vào ban ngày. Bởi vì bà con Lô Lô trong xóm đã quen đi mua hàng tại chợ phiên ở thị trấn Bảo Lạc; cứ 5 ngày có một phiên chợ, trong khi chợ chỉ cách xóm khoảng 8 - 9km đường bê-tông, đi lại bằng xe máy hay xe đạp cũng thuận tiện.

Như vậy, tuy ở vùng biên giới Việt - Trung nhưng hầu hết các gia đình người Lô Lô và Nùng có điều kiện mở quán bán hàng tạp hóa đều lấy hàng tại đại lý bán buôn ở thành phố Cao Bằng hoặc thị trấn huyện, họ ít sang Trung Quốc mua hàng về bán. Theo ông B., người Nùng ở xóm Lũng Phiắc, xã Đàm Thủy, khoảng 10 năm về trước bố mẹ của ông hay sang Trung Quốc lấy hàng về bán, do khi đó chưa có đường từ trung tâm xã về đây, nhất là phía Việt Nam còn rất ít mặt hàng. Nếu lấy hàng ở Trung Quốc, gia đình phải đến chợ làng của họ để mua, rồi cho con la chở về. Ông B. còn cho biết, từ khi có dịch Covid-19, nếu muốn mua hàng ở Trung Quốc, gia chủ sẽ điện thoại qua kênh quốc tế với người quen hay người họ hàng ở bên đó, rồi thuê họ mua hàng mang đến tận đường biên giới theo ngày giờ hẹn nhau. Khi đến lấy đủ hàng, gia chủ mới trả tiền bằng Việt Nam đồng hay đồng Nhân dân tệ cho người ở bên Trung Quốc.

Chủ bán hàng quán thường có mạng lưới xã hội đa dạng với khách hàng. Ông H., là người Lô Lô ở xóm Cốc Sả Dưới, xã Hồng Trị cho biết, tùy theo khách lạ hay quen, nếu lần đầu người mua hàng phải thanh toán đủ tiền sòng phẳng bằng tiền mặt, lần tiếp theo cũng vậy, sẽ tạo được lòng tin trong mua bán. Nếu khách quen hay mua hàng thường xuyên, khi mua hàng mà thiếu tiền sẽ được mua chịu để lần sau đến mua sẽ thanh toán hết. Như đã trình bày, người bán hàng thường có một quyển sổ ghi chép cẩn thận số hàng đã bán được theo ngày, tháng. Theo ông T., là người Nùng xóm Háng Khoang, xã Đàm Thủy, ngoài quyển sổ này, gia chủ bán hàng còn có quyển sổ khác để ghi nợ những khách quen hay mua chịu tiền, chỉ khi khách trả hết nợ mua chịu thì mới gạch tên để nhận biết. Khi phỏng vấn, ông Ch., là gia chủ bán hàng tạp hóa tại xóm Dộc Vung xã Khâm Thành cho biết, khách mua hàng chịu thường cho nợ một vài lần, nếu chưa trả được thì sẽ không cho mua tiếp nữa, thậm chí phải đến tận nhà để đòi số tiền mua chịu.

Qua tình trạng thương mại tại một số địa phương hai tộc người Lô Lô và Nùng ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng có thể thấy, do xuất phát chủ yếu và thậm chí phụ thuộc với mức độ nhất định vào mạng lưới xã hội liên quan mối quan hệ với chủ đại lý bán buôn ở thành phố

hoặc thị trấn huyện lỵ cũng như ở bên Trung Quốc, nên các hoạt động thương mại hiện nay trong xóm làng của hai tộc người này vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ, chỉ với mục đích tạo ra thu nhập thêm, tức chưa thoát khỏi nông nghiệp. Do đó, hoạt động thương mại vẫn chưa phát triển theo xu hướng đa dạng hóa các loại dịch vụ có lợi thế tiềm năng ở nơi biên giới.

2. Mạng lưới xã hội trong hoạt động sinh kế khác

2.1. Mạng lưới xã hội trong tìm kiếm việc làm mới

Đối với người Lô Lô và Nùng ở biên giới Cao Bằng, vấn đề đáng lưu ý là thông qua mạng lưới xã hội liên quan mối quan hệ quen biết, người dân bất kể nam hay nữ nếu có sức khỏe đều có nhu cầu đi làm thuê ở bên Trung Quốc. Vấn đề này diễn ra đã lâu, chỉ tạm dừng từ đầu năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Từ năm 2019 về trước, làm thuê qua biên giới diễn ra phổ biến ở các xóm đã được khảo sát. Theo kết quả thảo luận nhóm, tại xóm Cốc Sả Dưới, xã Hồng Trị, hàng năm có trên 100 người Lô Lô đi sang Trung Quốc làm thuê; xóm Ngàm Lồm, xã Cô Ba do ở gần đường biên giới, nên chỉ trừ cán bộ xóm, trưởng các đoàn thể và đảng viên, còn lại những người Lô Lô nếu có sức khỏe đều sang Trung Quốc làm thuê. Thời gian người dân đi làm thuê đông nhất là lúc nông nhàn: họ thường đi từ sau ngày 3/3 âm lịch khi vừa gieo trồng xong cho đến gần 15/7 âm lịch thì trở về quê ăn tết tháng 7 kết hợp thu hoạch ngô, lúa; sau đó lại đi tiếp đến gần tết Nguyên đán mới về nhà. Riêng những xóm người Nùng ở các xã thuộc huyện Trùng Khánh, chẳng hạn như xóm Lũng Phiắc, xã Đàm Thủy thì hàng năm có khoảng 300 người sang Trung Quốc làm thuê theo mùa vụ, phần lớn họ sáng đi làm tối về nhà, với các công việc trồng mía, làm cỏ mía, chặt mía, hái cam...; các trường hợp đi làm trong công ty của Trung Quốc thì có khoảng 50 - 60 người nhưng đều phi chính thức và phải sâu vào nội địa ở Trung Quốc với thời gian làm việc vài tháng. Trong trường hợp không có người chủ thuê lao động của Trung Quốc bảo lãnh, họ dễ bị bắt tại biên giới Trung - Việt khi trở về Việt Nam. Một số xóm khác như Sục Mạ, Háng Khoang thuộc xã Đàm Thủy hàng năm có khoảng 18 - 20 người Nùng/mỗi xóm sang Trung Quốc làm thuê khoảng 3 - 6 tháng, cũng có người đi 1 năm.

Tìm việc làm thuê ở bên Trung Quốc luôn hấp dẫn đối với nhiều lao động ở Việt Nam, do mang lại thu nhập đáng kể. Theo thống kê sơ bộ của một số người Lô Lô ở xóm Cốc Sả Dưới, xã Hồng Trị qua thảo luận nhóm ngày 31/10/2019, nếu chỉ tính năm 2017 - 2018, khi đi làm thuê ở Trung Quốc, một người thường kiếm được khoảng 12 triệu đồng/tháng. Bởi vậy, mỗi năm xóm này có ít nhất 100 người đi làm thuê ở Trung Quốc, khi đó cả xóm sẽ thu được nhiều tỷ đồng (Vương Xuân Tình, 2020, tr. 29-30). Đây chỉ nói trường hợp làm thuê ở khu vực biên giới phía Trung Quốc, nếu có điều kiện đi làm công nhân ở sâu trong nội địa Trung Quốc thì mỗi năm sẽ được số tiền khá lớn. Chẳng hạn, theo báo cáo của lãnh đạo xóm Ngàm Lồm xã Cô Ba, đầu năm 2018 ở đây có hai vợ chồng trẻ người Lô Lô may mắn được người quen bên Trung Quốc bảo lãnh cho đi làm công nhân tại thành phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông, đến đầu năm 2019 cả hai vợ chồng này đã mang về nhà hơn 200 triệu đồng.

Theo ý kiến của lãnh đạo địa phương, mạng lưới xã hội đi làm thuê qua đường biên giới Việt - Trung của người Lô Lô và Nùng ở phía Việt Nam chủ yếu do quen biết, tức không có người trong xóm đứng ra tổ chức hay môi giới tập hợp lao động đi làm thuê qua biên giới, vì lo sợ chịu trách nhiệm liên đới những rủi ro, nếu bị phía Trung Quốc bắt giữ. Do quen biết qua quan hệ đồng tộc, thông gia, bạn bè kết nghĩa..., nên bên Trung Quốc nếu có việc cần thuê lao động thì báo trước cho người quen ở phía Việt Nam. Người chủ thuê lao động phía Trung Quốc dùng xe đến đón tại đường biên giới. Sau đó, những người Việt Nam đã từng làm việc ở Trung Quốc thường được bạn bè, ông chủ Trung Quốc tự động liên hệ bằng điện thoại qua kênh quốc tế. Kết quả thảo luận nhóm với những người từng làm thuê ở Trung Quốc cho biết, bên đó nơi thuộc biên giới có rất nhiều công việc, do thanh niên và người có sức khỏe đều có phong trào đi làm công nhân tại các công ty ở sâu trong nội địa vì được trả lương cao. Những người Trung Quốc này gửi một phần tiền về cho gia đình để thuê người khác làm các công việc của gia đình như trồng, chăm sóc và khai thác rừng; trồng, làm cỏ và chặt mía; chăm sóc và thu hái hoa quả;... Các công việc này hấp dẫn đối với những người ở phía Việt Nam đang cần tìm việc làm thêm (Nguyễn Thị Thu Huyền, 2020).

Gần đây, ngoài sinh kế gắn với nông nghiệp và bán hàng tại nhà kết hợp đi làm thuê ở bên Trung Quốc, người dân Lô Lô và Nùng còn dựa vào các mối quan hệ, nhất là các mạng lưới xã hội như tờ rơi, quảng bá việc làm của công ty... để đi làm ăn xa tại các thành phố lớn của Việt Nam, kể cả đi xuất khẩu lao động ở một số nước. Kết quả khảo sát năm 2019 – 2020 cho thấy, từ 2017 đến nay, số lượng thanh niên hai tộc người Lô Lô và Nùng đi đến các địa phương khác trong cả nước để kiếm thêm thu nhập có chiều hướng tăng lên. Ngoài thông tin về thị trường lao động được phổ biến tại xã, thậm chí được thông báo đến xóm làng, thông tin về điều kiện việc làm cũng như thu nhập được các thanh niên trong cộng đồng Lô Lô hay Nùng tự trao đổi với nhau cũng rất quan trọng. Qua tư liệu thảo luận nhóm tại xóm người Lô Lô hoặc Nùng cho thấy, thông tin được truyền tải từ những người đã đi làm trước thường được tin tưởng hơn, vì sẽ tìm được sự giúp đỡ tin cậy hơn nếu gặp khó khăn.

Khảo sát một số địa phương người Lô Lô ở Bảo Lạc và người Nùng ở Trùng Khánh cho thấy, trước năm 2018 có hàng chục người Lô Lô, hàng trăm người Nùng đi lao động dài ngày tại các công ty, xí nghiệp tại các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Ninh, Hà Nội, Hưng Yên,... (Bùi Xuân Đính, 2020, tr. 57). Chưa kể đến hàng trăm người Lô Lô hay Nùng cũng ở các xã này đi lao động thời vụ như phụ hồ, xây dựng công trình, thu hái chè... tại nhiều địa phương của Việt Nam. Do tiền công được trả khá cao nên sang đầu năm 2019, số lao động đi làm ăn xa càng nhiều hơn. Theo lãnh đạo xóm Cốc Sả Dưới thuộc xã Hồng Trị, hiện nay trong xóm có vài 3 người Lô Lô đi làm công nhân cho công ty Samsung tại Thái Nguyên, do phải có bằng tốt nghiệp lớp 12 hoặc lớp 9; xóm Ngàm Lồm, xã Cô Ba không có người Lô Lô đi làm công nhân vì chưa có người tốt nghiệp lớp 12. Trong khi ở huyện Trùng Khánh, theo thống kê của lãnh đạo một số xóm, thì ở xóm Lũng Phiắc, xã Đàm Thủy, tính đến tháng 7/2020 có hơn 200 người Nùng trong 261 hộ dân tộc Nùng đang làm công nhân tại các khu công

nghiệp, công ty thuộc các tỉnh thành trong nước, đặc biệt là số này đã tốt nghiệp lớp 12; hai xóm Sục Mạ và Háng Khoang của xã Đàm Thủy cũng có hơn 10 người Nùng trong 77 hộ dân tộc Nùng đi làm công nhân ở Thái Nguyên; tại xóm Dộc Vung, xã Khâm Thành có 76 hộ người Nùng thì có 29 người đang làm công nhân ở Bắc Ninh, Hưng Yên,...

2.2. Mạng lưới xã hội trong quan hệ với nơi làm việc và gia đình

Đến nay, mạng lưới xã hội trong các mối liên hệ với nơi làm việc và gia đình ở quê nhằm nắm bắt thông tin khi người thân ở trọ và làm việc xa nhà... luôn có sự quan tâm của nhiều hộ gia đình, song vấn đề này lại phụ thuộc vào điều kiện cho phép. Trong thời kỳ bao cấp cũng có nhiều con em, người thân của không ít gia đình Lô Lô và Nùng phải ở xa gia đình khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, làm cán bộ, học tập,... Về mặt truyền thống, trước đây người Lô Lô và Nùng ở khu vực biên giới tỉnh Cao Bằng thường nhắn tin cho người thân ở xa nhà thông qua người quen biết, nhất là người cùng xóm có dịp về quê thăm nhà, kể cả thông qua người thân khi gặp nhau ở chợ phiên nếu trong xóm không có nhiều người đi bộ đội, đi học hoặc đi công tác xa,... Họ cũng có thể sử dụng mạng lưới thông tin qua đường bưu điện tại địa phương để gửi thư, chuyển tin nhắn qua điện tín,... Nhìn chung, thời kỳ trước 1990, điều kiện liên lạc giữa gia đình và người thân ở xa nhà còn khó khăn. "*Nhớ lại thời gian trước khi mở cửa biên giới ở đây đi đâu cũng khó, muốn gửi thư cũng phải đi bộ ra tận bưu điện thị trấn. Tôi có một con trai lúc đó học ở Trường vùng cao nội trú tỉnh Cao Bằng đóng tại thị trấn huyện Nguyên Bình cách đây hơn 100 cây số nhưng từ khi đưa nó vào trường đến lúc nó học xong chỉ gặp được nó vào dịp nghỉ hè hay nghỉ tết thôi*" (Phỏng vấn ông Ch., người Lô Lô ở xóm Cốc Sả dưới, xã Hồng Trị, huyện Bảo Lạc, ngày 31/10/2019).

Từ sau năm 1990, nhất là gần đây khi trong cả nước đều phủ sóng điện thoại và Internet thì mạng lưới xã hội liên quan mối quan hệ trao đổi thông tin với nơi làm việc và gia đình đã thay đổi mang tính đột phá. Hơn nữa, sự phát triển hạ tầng giao thông, hiện đại hóa các phương tiện và mạng lưới giao thông cũng góp phần kết nối giữa các địa phương, tạo cơ hội đi lại thăm thân của những gia đình có người đi bộ đội, công tác hoặc làm ăn xa nhà. "*Tôi có một con trai út đang làm ăn cùng với người anh họ đã chuyển cư sinh sống ở tỉnh Đắk Lắk cách nay hơn 10 năm, do có ô tô khách đi thẳng từ Cao Bằng vào trong đó nên cuối năm kia tôi có dịp đi vào Đắk Lắk chơi khoảng hai tuần, ở đó trời mùa đông ấm áp và các gia đình đều trồng nhiều cây cà phê. Hiện nay còn thuận lợi ở chỗ là trước khi đi vào Đắk Lắk, tôi đã điện thoại báo cho con trai và người quen ở trong đó*" (Phỏng vấn ông B., người Nùng ở xóm Lũng Phiắc, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, ngày 26/7/2020".

Riêng các trường hợp làm thuê bên kia đường biên giới Việt - Trung, người Nùng ở huyện Trùng Khánh cũng như người Lô Lô ở huyện Bảo Lạc đều có điều kiện liên hệ với nhau thông qua các mạng lưới xã hội hiện đại như Internet, điện thoại hay vào mạng facebook, zalo,... Qua tư liệu điền dã năm 2019 và 2020 cho thấy, người Lô Lô các xã Hồng

Trị, Cô Ba (huyện Bảo Lạc) mỗi khi đi làm thuê ở bên Trung Quốc đều thông tin cho nhau và thông tin cho người nhà ở Việt Nam bằng điện thoại là chủ yếu. Để biết được bên Trung Quốc có việc làm thuê, họ thường gọi cho người quen ở đó bằng điện thoại qua kênh quốc tế. Song, do khá đắt tiền cho cuộc gọi, nên để biết chắc chắn có việc làm thuê thì thông thường, người quen ở Trung Quốc gọi báo cho người Lô Lô hay Nùng ở phía Việt Nam là đang có những công việc cần thuê bao nhiêu người làm,... Khi đó, người Lô Lô hay Nùng ở phía Việt Nam sẽ rủ nhau cho đủ con số mà người quen bên Trung Quốc đã thông báo. Sau đó, họ nhờ người nhà chở xe máy đưa đến đường biên giới tại điểm hẹn có người Trung Quốc đến đón và đưa tới nơi làm việc. Lúc trở về Việt Nam, khi đến điểm hẹn tại đường biên giới thì dùng điện thoại gọi người nhà tới đón bằng sóng điện thoại của Việt Nam, nếu máy bắt được; trong trường hợp không bắt được sóng thì gọi qua kênh quốc tế. Trường hợp sáng đi làm thuê ở Trung Quốc mà tối về Việt Nam thì người dân thường đi xe máy đến đường biên giới rồi chuyển sang xe ở bên Trung Quốc, tối về đến đường biên giới lại đi xe máy do người nhà đến đón nếu ở đó không có chỗ gửi xe (Phỏng vấn Trưởng xóm Ngàm Lồm, xã Cô Ba, ngày 2/11/2019).

Hiện nay, khi giải quyết các vấn đề liên quan tới tiền tệ như chi trả dịch vụ ăn uống, thuê trọ, đặc biệt là chuyển tiền về cho gia đình trong quá trình làm thuê, buôn bán, làm ăn xa... đều diễn ra dễ dàng. Trong bối cảnh phát triển thông tin truyền thông, những người ở xa nhau không chỉ thuận lợi trao đổi thông tin với nhau, mà còn thông qua nhiều mạng lưới xã hội liên quan chuyển tiền như báo trước qua hộp thư điện tử hoặc điện thoại bằng cuộc gọi hay tin nhắn, rồi sau đó chuyển tiền qua các dịch vụ như thẻ ngân hàng, bưu điện, thậm chí qua điện thoại thông minh với ứng dụng BankPlus, Ví điện tử VinID Pay,... Tư liệu thảo luận nhóm tại địa phương cho thấy, nhiều người Lô Lô và Nùng đều cho rằng, trong bối cảnh hội nhập hiện nay, tùy theo điều kiện của từng cá nhân tham gia lao động ở xa nhà cũng như gia đình họ ở quê mà sử dụng những mạng lưới xã hội khác nhau có liên quan tới mối quan hệ trao đổi thông tin và chuyển tiền cho nhau. Song, đều diễn ra thuận tiện, nhanh chóng so với chục năm về trước. "*Ngày nay hiện đại lắm, cả xóm nhiều người đã có điều kiện sử dụng điện thoại thông minh, nên việc liên lạc hỏi thăm và chuyển tiền về nhà khi đi làm công nhân ở trên thành phố hay đi làm ăn xa đều rất thuận lợi,...*" (Phỏng vấn ông X., người Nùng ở xóm Sục Mạ, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, ngày 27/7/2020).

3. Vấn đề đặt ra và giải pháp

Khảo sát thực địa năm 2019 và 2020 cho thấy, hệ thống mạng lưới xã hội hiện nay đã trở thành nguồn lực thúc đẩy sự biến đổi sinh kế, nhất là hoạt động thương mại và kiếm việc làm mới của hai tộc người Lô Lô và Nùng ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng. Song, về lâu dài cũng như trước mắt vẫn còn không ít vấn đề đặt ra và đây cũng là những hạn chế của mạng lưới xã hội đối với đồng bào nơi đây, trong đó có một số vấn đề với gợi ý giải pháp như sau:

Một là, hiện tại mới xuất hiện việc bán hàng tạp hóa hoặc bán những mặt hàng thổ cẩm đối với người Lô Lô, bán hàng tạp hóa và buôn bán con la ở người Nùng... dựa trên cơ sở làm nông nghiệp là chủ yếu. Điều đó thể hiện tính đa dạng trong hoạt động sinh kế của đồng bào, có thể phòng tránh sự rủi ro khi sản xuất nông nghiệp thất thu do thiên tai, biến đổi khí hậu. Song, nếu cứ tiếp tục tình trạng này thì không có điều kiện đầu tư nguồn vốn thỏa đáng vào một số ngành nghề mang tính chủ lực ở địa phương theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa,... Để giải quyết vấn đề này, ban ngành chức năng và chính quyền địa phương cần tiếp tục đẩy mạnh và định hướng phát triển hơn nữa các mạng lưới xã hội liên quan đến sự đa dạng các dịch vụ thương mại, thúc đẩy liên kết hộ gia đình trong hoạt động thương mại tại các xóm người Lô Lô và Nùng ở vùng biên giới.

Hai là, ngoài cách thức mưu sinh đi làm thuê ở Trung Quốc, gần đây một số thanh niên người Lô Lô và Nùng khi học hết các bậc Trung học cơ sở hay Trung học phổ thông đã đi làm công nhân tại một số công trường, công ty liên doanh trên địa bàn các thành phố lớn ở trong nước. Đây là nguồn thu rất đáng kể so với các công việc trồng trọt, chăn nuôi, buôn bán nhỏ tại quê nhà. Do đó, khoảng vài năm gần đây ngày càng nhiều người trong độ tuổi từ 18 - 35 đi ra khỏi làng để làm công nhân, làm ăn xa,... Đây cũng là vấn đề đặt ra, do xu hướng ở quê nhà chỉ những người già vừa giúp trông nhà, giữ trẻ, vừa làm nông nghiệp,... Do đó, Nhà nước và lãnh đạo địa phương cần huy động các nguồn lực phù hợp để tạo ra nhiều việc làm mới ổn định tại các khu vực biên giới dựa trên cơ sở phát huy các thế mạnh từng khu vực và tiềm năng văn hóa tộc người.

Ba là, ngoài sản xuất nông nghiệp và trao đổi mua bán, trong các xóm của đồng bào Lô Lô và Nùng hiện nay tuy đã xuất hiện một số hoạt động kinh tế mới như chở xe ôm, làm thuê theo ngày công, mở dịch vụ xay sát gạo, sửa xe máy,... Song, các loại hoạt động mới này đều mang tính thời vụ nên còn bấp bênh, đặc biệt là người dân chỉ tham gia các hoạt động đó trong những lúc nông nhàn hoặc khi cần phải có tiền ngay để chi tiêu,... Đây là vấn đề đặt ra so với trồng trọt và chăn nuôi khá ổn định. Vì vậy, chính quyền, ban ngành chức năng cần đặc biệt chú ý phát triển mạng lưới xã hội liên quan đào tạo nghề và mở rộng ngành nghề, đặc biệt ưu tiên những ngành nghề phi nông nghiệp phù hợp với lợi thế của địa phương.

Bốn là, người Nùng do làm ruộng nước, xóm làng bố trí trong thung lũng hoặc dọc bờ sông, suối và cư trú mật tập, nên khi dân số tăng thì đất sản xuất ít đi. Việc mở rộng diện tích đất canh tác tại một số xóm người Nùng hiện nay là do những năm 90 thế kỷ XX, một số gia đình chuyển cư vào phía Nam lập nghiệp. Với đặc điểm này, các xóm người Nùng đều thiếu việc làm, thời gian nông nhàn tăng, dẫn đến việc tăng cường đi làm thuê, làm công nhân,... Đây không chỉ là vấn đề đặt ra, mà còn là sự khác biệt giữa vùng người Nùng ở huyện Trùng Khánh so với vùng người Lô Lô ở huyện Bảo Lạc, do người Lô Lô thường quan tâm hơn đến các mạng lưới xã hội liên quan tới chính sách của Nhà nước về vốn sản xuất, tiêu thụ sản phẩm,... Vì vậy, để giải quyết vấn đề này, rất cần sự hợp tác giữa các nhà khoa học, nhà quản

lý và doanh nghiệp; đặc biệt là cần có chính sách tăng cường mạng lưới xã hội về phát triển các ngành nghề mới phù hợp mỗi địa phương, nhất là du lịch bởi vùng người Lô Lô và Nùng ở tỉnh Cao Bằng rất phong phú về cảnh quan môi trường, độc đáo về văn hóa tộc người.

Kết luận

Hai tộc người Lô Lô và Nùng ở khu vực biên giới tỉnh Cao Bằng đều có ít đất sản xuất nông, lâm nghiệp. Do đó, từ khi mở cửa biên giới Việt - Trung sau năm 1991, nhất là thời gian gần đây, cả hai tộc người này luôn tăng cường tận dụng các mạng lưới hội từ truyền thống đến hiện đại không chỉ để phát triển trồng trọt và chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, mà còn kết hợp mở rộng nhiều hình thức trao đổi mua bán, hoạt động thương mại và đi làm thuê, làm công nhân,... Nhờ đó, mạng lưới xã hội trở thành một nguồn lực thiết yếu ở cả hai tộc người, tạo điều kiện cho phát triển các ngành nghề mới phi nông nghiệp, đặc biệt là hoạt động thương mại và lao động làm thuê để có thêm thu nhập, góp phần giảm nghèo bền vững.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Dân tộc tỉnh Cao Bằng (2019), *Báo cáo Tình hình thực hiện Quyết định số 2086/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (Phục vụ đoàn kiểm tra liên Bộ: Uỷ ban Dân tộc, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư)*, Cao Bằng tháng 7/2019.

2. Bùi Xuân Đính (2020), "Bàn về vai trò của người Việt với sự phát triển vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc ở khu vực Đông Bắc", *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 51-61.

3. Nguyễn Thị Thu Huyền (2020), "Những ứng xử khác nhau của người dân và chính quyền Trung Quốc đối với cô dâu Việt Nam (Nghiên cứu trường hợp một thôn vùng biên giới Việt - Trung", *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 40-50.

4. Vương Xuân Tình (2020), "Không gian thứ ba và mạng lưới xã hội vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc", *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 24-39.

5. Hoàng Bá Thịnh (2008), "Về vốn xã hội và mạng lưới xã hội", *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 45-55.